



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Logistics kinh doanh quốc tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	01	37	7,0	1	Anh	Lê
2	000002	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	01	36	6,8	1	Anh	chấn
3	000003	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	01	35	9,0	1	Anh	Lê
4	000004	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	01	34	6,0	2	Anh	Chấn
5	000005	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	01	33	6,8	1	Anh	le?
6	000006	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	01	32	5,3	1	Bảo	HP Đ. nhập
7	000007	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	01	31	8,0	1	Bích	le?
8	000008	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	01	30	6,6	2	châu	chấn
9	000009	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	01	29	7,5	1	Cường	le?
10	000010	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	01	28	6,6	1	Hà	chấn
11	000011	1001080390	Nguyễn Thị	Hào	31/07/2004	TM10A	01	27	7,5	1	Hào	le?
12	000012	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	01	26	8,4	1	Hiền	Chấn
13	000013	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	01	25	9,5	2	Hiền	le?
14	000014	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	01	24	5,6	1	Hiệp	chấn
15	000015	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	01	23	7,8	1	Hồng	le?
16	000016	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	01	22	6,8	1	Huy	chấn
17	000017	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	01	21	8,9	2	Kiệt	le?
18	000018	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	01	20	8,0	1	Lan	chấn
19	000019	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	01	19	6,1	1	Linh	le?
20	000020	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	01	18	7,0	1	Linh	chấn
21	000021	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	01	17	7,0	1	Linh	le?
22	000022	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	01	16	8,0	02	Linh	chấn
23	000023	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	01	15	8,1	01	Linh	le?
24	000024	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM10A	01				Mai	Mai
25	000025	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	01	14	8,4	2	Mai	le?
26	000026	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	01	13	8,0	1	Mạnh	chấn
27	000027	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	01	12	8,5	2	Minh	le?
28	000028	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	01	11	8,5	1	Ngọc	chấn
29	000029	1001080409	Hoàng Tổ	Nhi	12/11/2004	TM10A	01	10	8,5	2	Nhi	le?
30	000030	1001080413	Chu Lan	Phượng	14/06/2004	TM10A	01	9	4,5	1	Phượng	chấn
31	000031	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	01	8	6,5	1	Phượng	le?
32	000032	1001080415	Đỗ Trường	Son	21/07/2004	TM10A	01	7	6,0	1	Son	chấn
33	000033	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	01	6	8,0	2	Thảo	le?
34	000034	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	01	5	6,8	1	Thảo	chấn
35	000035	1001080421	Mạc Đoàn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	01	4	7,6	1	Trang	le?

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
36	000036	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	01	3	5,8	1	Tùng	chẵn
37	000037	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	01	2	8,5	2	Tan	lẻ
38	000038	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	01	1	7,3	1	Vy	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 37

Tổng số tờ giấy thi: 47

Tổng số biên bản: 0

Ngày 27 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đoàn T. Hết

Đu Thị Liên